



suǒ dào zhī chù

所到之处

phrase · everywhere one goes; wherever one arrives

Example Sentence

zhè zhī yuè duì suǒ dào zhī chù fēn sī men dōu huì fēng kuáng jiān jiào
这支乐队所到之处，粉丝们都会疯狂尖叫。

Wherever this band goes, fans scream wildly.

Trace each character, then write the word on your own.

所	所	所	所	所	所	所	所	所	所	所
到	到	到	到	到	到	到	到	到	到	到
之	之	之	之	之	之					
处	处	处	处	处	处	处	处			